

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/5/2020.

V/v “Tranh chấp hôn nhân và
gia đình về ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Châu Quốc Tuấn**

2. Bà **Hồ Thị Mai Hương**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 150/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST-DS ngày 16/4/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Lê Kim T**, năm sinh 1982;

Địa chỉ: Số 509, ấp 2, xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 509, ấp 2, xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Lê Kim T trình bày:* Chị và anh L được người thân 02 bên gia đình mai mối và chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Bên cạnh đó, anh L thường hay nhậu nhẹt và có những lời lẽ xúc phạm chị và gia đình chị, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng. Mặc dù, vợ chồng sống chung nhà nhưng từ năm 2014 đến nay vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn

nhau. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 30/5/2008, hiện con chung đang sống chung nhà với chị và anh L; khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thanh L trình bày:* Anh thống nhất với nội dung trình bày về thời gian chung sống, cũng như mâu thuẫn của vợ chồng như chị T trình bày. Trong cuộc sống đôi lúc vợ chồng cũng có mâu thuẫn và cự cãi nhau; tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, vì anh vẫn còn tình cảm và muốn hàn gắn gia đình, muốn con chung có đủ tình thương của cả cha mẹ để cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 30/5/2008, hiện con chung đang sống chung nhà với anh và chị T. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính);
- Giấy khai sinh Nguyễn Thanh N (bản sao);
- Giấy CMND Nguyễn Thanh L (bản photo);
- Giấy CMND và sổ hộ khẩu Lê Kim T (bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Kim T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh L; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 30/5/2008, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là *“Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con”*.

- Anh Nguyễn Thanh L là người bị kiện có địa chỉ tại ấp 2, xã Phong Mỹ huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

[2] Về nội dung: Về hôn nhân, chị T và anh L chung sống với nhau vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống; anh L hay nhậu nhẹt và có những lời lẽ xúc phạm chị T và gia đình chị T, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hiện nay vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh L là có căn cứ. Còn việc anh L cho rằng hiện nay anh vẫn còn thương chị T và muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, để cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên không đồng ý ly hôn, nhưng anh L không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và chị T cũng không đồng ý hàn gắn tình cảm với anh L. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh L là phù hợp nên chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 30/5/2008, hiện nay cháu N đang sống với chị T và anh L; khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Tại văn bản ý kiến ngày 25/3/2020, cháu N xác định khi cha mẹ ly hôn thì cháu N có nguyện vọng được sống chung với mẹ; Đồng thời, tại phiên tòa anh L cũng xác định trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh L đồng ý giao con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con (anh tôn trọng ý kiến của con về việc muốn sống chung với ai). Xét thấy, ý kiến của anh L là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên ghi nhận.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết..

[3] Về án phí: Chị Lê Kim T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009715 ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Kim T.

- Về hôn nhân: Chị Lê Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh L.

- Về con chung: Chị Lê Kim T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 30/5/2008; anh Nguyễn Thanh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không có yêu cầu. Anh Nguyễn Thanh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lê Kim T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009715 ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND HCL;
- Tòa án tỉnh.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trịnh Hữu Chinh